

Số: /KH-ĐN

Ea Blang, ngày tháng năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Phát triển đội ngũ GV-NV-CBQL năm học 2023 – 2024 và định hướng đến năm 2028

Căn cứ Luật số 43/2019/ QH 14 ngày 14/6/2019 ban hành Luật Giáo dục Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT- BGDDT ngày 15/9/2020 về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 03/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ GDĐT về việc ban hành quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Căn cứ Nghị định 71/2020/NĐ-CP qui định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS;

Căn cứ Nghị định hợp nhất số 03/NĐHN-BNV ngày 21/5/2019 về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về quy định vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Số: 344/PGDDT-THTĐ ngày 06/08/2023 V/v triển khai nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023-2024

**Căn cứ kế hoạch số 284/KH-THCS ngày 07/08/2023 của PGD-ĐT thị xã Buôn Hồ về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2023 - 2024;**

Căn cứ Công văn số 346/PGD ĐT-GDTH, ngày 06/10/2023 của PGD&ĐT thị xã Buôn Hồ về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục cấp Tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương xã Ea Blang, thị xã Buôn Hồ,

tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ vào chiến lược số 37/KH-ĐN ngày 25 /9/2023 kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2023 – 2028 và tầm nhìn chiến lược 2030.

Căn cứ phân tích thực trạng về đội ngũ nhà trường.

Trường TH&THCS Đinh Núp dựng kế hoạch phát triển đội ngũ như sau:

## **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VỀ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG.**

Tổng số GV, NV, CBQL: 34

- Xếp hạng nhà trường: II
- Số lượng lớp học: 13
- Số lượng học sinh: 371
- Sĩ số học sinh/lớp: 29
- Số lượng tổ/khối chuyên môn: 04 Tổ Văn phòng: 01
- Số lượng giáo viên: 25
- Tỷ lệ giáo viên/lớp cấp THCS: 2,2 cấp tiểu học: 1,44
- Số lượng nhân viên: 06
- Số lượng cán bộ quản lí: 03

Cơ cấu giới tính: Nam  $13/35 = 37\%$ ; Nữ  $22/35 = 62\%$

Độ tuổi bình quân là 40,2 tuổi

### **1-Những thời cơ, thách thức đối với đội ngũ khi thực hiện CTGDPT 2018:**

#### **\*. Thời cơ:**

- Khi chương trình GDPT 2018 được triển khai, nhà trường được đầu tư CSVC, trang thiết bị dạy học. Quản lý, giáo viên được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, ...

- Nghị quyết 29-NQ/TW đã được tuyên truyền sâu rộng tới các tầng lớp XH và đang đi vào thực tiễn;

- Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông cung cấp các mô đun cụ thể để QL, GV bổ sung kiến thức CM, nghiệp vụ;

- Nguồn học liệu trên Internet phục vụ nâng cao chất lượng QL, GV, NV phong phú;

#### **\*. Thách thức:**

- Chương trình GDPT 2018 đặt ra nhiều thách thức với nhà trường: Có một số môn học và hoạt động mới dẫn tới cơ cấu giáo viên thay đổi, thiếu giáo viên dạy bộ môn trải nghiệm, chưa có giáo viên giảng dạy bộ môn KHTN và các môn học tự chọn, bắt buộc;

- Yêu cầu của XH ngày càng cao đối với giáo dục;

- Nhận sự thiếu hụt cục bộ ở một số bộ môn ảnh hưởng đến giáo dục nhà trường.

### **2. Thực trạng số lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý của nhà trường năm học 2021-2022:**

<b>Số lượng</b>	<b>Hiện có</b>	<b>Yêu cầu của CTGDPT 2018</b>		
		<b>Thừa</b>	<b>Thiếu</b>	<b>Cần bổ</b>

					<b>sung</b>
<b>Đội ngũ</b>					
<b>Cán bộ quản lý</b>		<b>02</b>	0	0	0
Hiệu trưởng		01	0	0	0
Phó hiệu trưởng		01	0	0	0
Tổ trưởng chuyên môn		02	0	0	0
<b>Giáo viên</b>		<b>25</b>			
Ngữ văn		02	0	0	0
Toán		1	0	0	0
Ngoại Ngữ 1		1	0	0	0
Giáo dục công dân		01	0	0	0
Lịch sử và Địa Lý	Lịch sử	01	0	0	0
	Địa Lý	01	0	0	0
KHTN	Vật lý	01	0	0	0
	Hóa học	01	0	0	0
	Sinh học	0	0	0	0
Công nghệ		0	0	01	01
Tin học		01	0	0	0
Giáo dục thể chất		01	0	0	0
Nghệ thuật	Âm nhạc	01	0	01	01
	MT	01	0	0	0
Tự chọn		0	0	01	01
Tổng phụ trách đội		01	0	0	0
<b>Nhân viên</b>		<b>04</b>			
Nhân viên thư viện, thiết bị thí nghiệm, công nghệ thông tin		02	0	0	0
Nhân viên văn thư, kế toán; y tế và thủ quỹ		03	0	0	0
Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật		0	0	0	0
<b>Tổng</b>		<b>20</b>	0	02	02

- GV tiểu học: tổng số: CBQL, GV 15. ( trong đó CBQL: 01, TPT đội: 01. đứng lớp 13/ 9 lớp = 1,44 ).

#### **Nhận xét:**

- Về số lượng: Theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc

trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và yêu cầu của CT GDPTCT GDPT 2018. Hiện tại đội ngũ của nhà trường thừa thiếu cục bộ lý do nhà trường đang thực hiện giảng dạy thiếu: 01GV Âm nhạc, 01 GV Công nghệ.

### 3. Thực trạng chất lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

- Về trình độ đào tạo, đánh giá đội ngũ theo chuẩn nghề nghiệp, chuẩn chức danh nghề nghiệp;

- Chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với HT, PHT đạt 100%;

- Giáo viên đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng III: 04 giáo viên = 20%;

- Giáo viên đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng II: 12 giáo viên =80%;

- Thống kê số liệu chất lượng giáo dục trong 5 năm qua

Đối với cấp THCS

3.3. Chất lượng giáo dục hàng năm đạt kết quả như sau:

Năm học	Số Học sinh	Hạng kiểm				Học lực				
		Tốt	Khá	Tb/Đạt	Yếu/ CĐ	Giỏi/ tốt	khá	Tb/Đạt	Yếu/ CĐ	Kém
2018-2019	116	89= 76,72%	25=21, 55%	2=1,72 %	0	6=5,17%	35=30,1 7%	62=53,4 5%	12=10,34 %	1=0,8 6%
2019-2020	120	97=80, 83%	17=14, 17%	6=5%	0	7=5,83%	40=33,3 3%	63=52,5 %	8=6,67%	2=1,6 7%
2020-2021	137	114=83 ,21%	20=14, 6%	3=2,19 %	0	18=13,14 %	53=38,6 9%	58=42,3 4%	8=5,84%	0
2021-2022	145	120=82 ,75%	23=15, 76%	2=1,37 %%	0	12=8,28%	54= 37,24%	71=48,9 7%	8=5,52%	0
2022-2023	140	106=75 ,71%	29=20, 72%	5=3,57 %	0	6=4,29%	47=33,5 7%	80=57,1 4%	7=5,0%	0

Đối với bậc Tiểu học:

TSHS	Hoàn thành chương trình Lớp học	Chưa hoàn thành chương trình lớp học	Ghi chú
227	216(95,15%) trở lên	11(4,85%)	

Đánh giá chất lượng đội ngũ trong đảm bảo chất lượng dạy học đại trà, chất lượng dạy học mũi nhọn, đảm bảo chất lượng giáo dục phẩm chất của học sinh theo mục tiêu phẩm chất, năng lực học sinh được quy định trong CT GDPT 2018.

### 3.1 Thực trạng đội ngũ giáo viên

#### 3.1.1. Môi trường bên trong

\* **Điểm mạnh:**

**Điểm mạnh:** Số lượng theo định mức 2,25 GV/lớp.

Đội ngũ khối trưởng có tay nghề, có kinh nghiệm và uy tín trong tập thể khối, tích cực học hỏi kiến thức, phương pháp dạy học mới và có ý thức xây dựng khối, kèm cặp các giáo viên mới, giáo viên trẻ.

Giáo viên yêu nghề, say mê công việc, tất cả vì học sinh; ủng hộ các chủ trương của nhà trường. Các giáo viên trẻ tích cực, chủ động nâng cao tay nghề.

100% sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả;

- Độ tuổi trung bình của giáo viên nhà trường bình quân 40,2 tuổi, cơ cấu theo độ tuổi hợp lý và có tính kế thừa;

- Giáo viên có tinh thần trách nhiệm, ý thức nghề nghiệp cao. Tích cực chủ động trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- 100% giáo viên đều đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Khá và Tốt;

- Giáo viên đa số tay nghề vững, yêu nghề, say mê công việc tất cả vì học sinh, ủng hộ các chủ trương của nhà trường. Giáo viên trẻ tích cực, chủ động nâng cao tay nghề;

- 100% sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả;

- 100% tư vấn và hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và giáo dục;

- 90% phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh;

- Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục;

- Nhà trường có 03 giáo viên là người dân tộc thiểu số ( dân tộc: 02 Ê đê, 01 Tày).

#### **\* Điểm yếu:**

Sử dụng ngoại ngữ còn nhiều hạn chế 80%. Một số giáo viên tuổi cao, việc ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa nhanh 10%.

Nhà trường còn giáo viên trình độ cao đẳng, cần học đại học để đạt chuẩn.

- Nhà trường chưa có giáo viên giảng dạy liên môn Khoa học tự nhiên, giảng dạy môn tự chọn ( Dạy ngoại ngữ 2 ).

### **3.1.2: Môi trường bên ngoài**

#### **\* Thời cơ**

- Được toàn xã hội qua tâm, đồng tình ủng hộ về đổi mới chương trình SGK do đội ngũ giáo viên có được sự phối hợp để thay đổi nội dung, phương pháp, kỹ thuật dạy học;

- Phụ huynh trên địa bàn xã hoàn toàn ủng hộ nhà trường, phối hợp tốt với nhà trường để giáo dục học sinh.

#### **\* Thách thức**

- Mặt bằng dân trí của phụ huynh học sinh chưa cao, công tác phối hợp chưa nhịp nhàng, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra của việc đổi mới chương trình;

- Tình hình kinh tế của người dân trên địa bàn xã thu nhập còn thấp, phần nào ảnh hưởng đến việc đầu tư cho con em học tập.

### **3.2. Thực trạng cán bộ quản lý**

#### **3.2.1. Môi trường bên trong**

##### **\* Điểm mạnh:**

- Đủ số lượng CBQL

- Độ tuổi trung bình 48 tuổi
- 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo;
- Có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo, mạnh dạn đổi mới. Được tham gia các lớp tập huấn về năng lực quản trị;
- Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu; quản lý nhà trường;
- Có năng lực hoạch định kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; có tầm nhìn chiến lược phát triển giáo dục; có khả năng tập huy động các nguồn lực hỗ trợ các hoạt động GD của nhà trường;
- CBQL đoàn kết, phối hợp tốt trong các hoạt động chỉ đạo; phân công nhiệm vụ rõ ràng, tích cực, chủ động trong công việc; tổ chức các hoạt động nhà trường; Biết phát huy sức mạnh của đội ngũ giáo viên cốt cán, giáo viên trẻ và những giáo viên có năng lực;
- Tích cực đổi mới, sáng tạo, thích ứng trong lãnh đạo, quản trị nhà trường;
- Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018;
- Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh theo hướng tiếp cận năng lực Quản trị chất lượng giáo dục đáp ứng CTGDPT 2018;
- Tích cực phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục cho học sinh, huy động và sử dụng tốt các nguồn lực để phát triển nhà trường;
- Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và lãnh đạo nhà trường thực hiện CTGDPT 2018.

**\* Điểm yếu:**

- Năng lực sử dụng ngoại ngữ còn hạn chế;
- Công tác tham mưu trong tuyển dụng, nhân viên còn ở mức độ nhất định.

**3.2.2. Môi trường bên ngoài**

**\* Thời cơ**

- Được toàn xã hội qua tâm, đồng tình ủng hộ về đổi mới chương trình SGK do đội ngũ giáo viên có được sự phối hợp để thay đổi nội dung, phương pháp, kỹ thuật dạy học;
- Phụ huynh trên địa bàn xã hoàn toàn ủng hộ nhà trường, phối hợp tốt với nhà trường để giáo dục học sinh.

**\* Thách thức**

- Công tác quản trị về nhân sự, quản trị về tài chính trong nhà trường thực sự chưa được tự chủ;
- Việc quản trị về nguồn lực cho đổi mới Chương trình GDPT 2018 chưa đáp ứng được mức tốt thiểu.

**3.3. Thực trạng đội ngũ nhân viên**

**3.3.1. Môi trường bên trong**

**\* Điểm mạnh:**

- Nhân viên được đào tạo đạt chuẩn theo quy định;
- Nhân viên kế toán, văn thư, y tế có kinh nghiệm, nhiệt tình trong công tác;

- Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường;
- Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường;
- Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường;

**\* Điểm yếu:**

- Nhân viên thư viện, thiết bị còn trình độ CNTT, Ngoại ngữ còn hạn chế;

**3.3.2. Môi trường bên ngoài**

**\* Thời cơ:**

- Được toàn xã hội qua tâm, đồng tình ủng hộ về đổi mới chương trình SGK do đội ngũ giáo viên có được sự phối hợp để thay đổi nội dung, phương pháp, kỹ thuật dạy học;
- Phụ huynh trên địa bàn xã hoàn toàn ủng hộ nhà trường, phối hợp tốt với nhà trường để giáo dục học sinh.

**\* Thách thức**

- Công tác bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên hầu như ít được tổ chức.

**4. Các vấn đề về phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý cần tập trung giải quyết trong giai đoạn 2023 - 2028**

- Phân tích đánh giá nhận định điểm mạnh, điểm yếu, vấn đề về thực trạng đội ngũ GV, NV, CBQL trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018;
- Đề xuất với các cấp quản lý bố trí đủ cơ cấu, giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông năm học 2018;
- Tập trung bồi dưỡng đội ngũ CB, GV, nhân viên nâng cao trình độ, đổi mới phương pháp, tiếp cận và thực hiện nội dung chương trình giáo dục phổ thông 2018.
- Xây dựng kế hoạch, lộ trình để CB, GV học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đạt chuẩn, trên chuẩn;
- Khuyến khích GV tích cực tham gia Hội thi giáo viên giỏi các cấp, GV chủ nhiệm giỏi và tham gia các hoạt động chuyên môn khác để đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên;
- Tạo động lực làm việc, phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ;
- Giám sát đánh giá hoạt động đội ngũ.

**II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ**

**1 Mục tiêu xác định số lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý trường trung học cơ sở, đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018**

- Trong các năm học từ gian đoạn 2023 – 2025 nhà trường duy trì 14 lớp/2 cấp học ( THCS 05 lớp, TH 9 lớp)
  - Năm học 2023 – 2024 đảm bảo đủ số lượng giáo viên giảng dạy các môn học, các hoạt động giáo dục theo Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6,7 và chương trình GDPT 2006 với lớp 8, 9;
  - Năm học 2023 – 2024 phấn đấu 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo ( có 01 giáo viên hiện đang tham gia học nâng chuẩn);
- Đảm bảo đủ cơ cấu nhân viên theo quy định.

Năm học Đội ngũ		Số lượng hiện có	Số lượng cần bổ sung qua các năm				Ghi chú
			2024- 2025	2025-2026	2026- 2027	2027 - 2028	
<b>Cán bộ quản lý</b>		<b>02</b>	0	0	0	0	
Hiệu trưởng		1	0	0	0	0	
Phó hiệu trưởng		2	0	0	0	0	
Tổ trưởng CM		4	0	0	0	0	
<b>Giáo viên</b>		<b>25</b>	01				Tháng 12/ 2023 GV nghỉ hưu
Ngữ văn		1	0	0	0	0	
Toán		1	0	0	0	0	Toán - Tin
Ngoại ngữ 1		1	0	0	0	0	
Giáo dục công dân		1	0	0	0	0	
Lịch sử và Địa lý	Lịch sử	1	0	0	0	0	
	Địa lý	1	0	0	0	0	
KHTN	Vật lý	1	0	0	0	0	
	Hóa học	1	0	0	0	0	
	Sinh học	0	0	0	0	0	
Công nghệ		0	+1	0	0	0	
Tin học		1	0	0	0	0	Tin - Toán
Giáo dục thể chất		1	0	0	0	0	
Nghệ thuật	Mỹ thuật	1	0	0	0	0	
	Âm nhạc	01	0	0	0	0	Tiểu học
Môn học tự chọn GV dạy tiếng dân tộc thiểu số		0	+1	0	0	0	
Tổng phụ trách Đội		1	0	0	0	0	Mỹ Thuật
<b>Nhân viên</b>		<b>4</b>					
Nhân viên thư viện; thiết bị, thí nghiệm; công nghệ thông tin		2	0	0	0	0	
Nhân viên văn thư;		3	0	0	0	0	



kế toán; y tế và thủ quỹ						
Nhân viên giáo vụ	0	0	0	0	0	
Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	

GVTH: 14 ( trong đó 01 T. Anh, 01 Âm nhạc, 01 TPT)

## **2 Mục tiêu về chất lượng của đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý trong trường trung học cơ sở giai đoạn 2021 – 2025 đáp ứng chương trình giáo dục giáo dục phổ thông 2018:**

### 2.1. Mục tiêu đối với giáo viên.

- 100% ( 25/25) giáo viên đáp ứng tốt CTGDPT 2018 theo thông tư 17/2019/TT-BGDĐT;

- Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: 100% CB, GV, NV được tập huấn bồi dưỡng chuyên môn theo quy định;

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo: 30/30 (100%) đạt trình độ đại học (01 giáo viên bộ môn Hóa học có trình độ CĐ trong năm 2021 và 2022 sẽ hoàn thiện nâng chuẩn theo lộ trình);

- Đánh giá chuẩn nghề nghiệp: 100% CB, GV, NV được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp xếp loại Khá trở lên (trong đó 30,0% trở lên được đánh giá xếp loại Tốt);

- Ứng dụng CNTT: 100% CB, GV có kinh nghiệm ứng dụng CNTT; có chứng chỉ tin học ứng dụng theo quy định của ngành;

- 100% giáo viên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng đổi mới phương pháp đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018;

- 100% giáo viên dạy giỏi cấp trường; 60% giáo viên giỏi cấp Thị xã, 16% giáo viên giỏi cấp Tỉnh;

- Kết quả đánh giá viên chức hàng năm: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 10 (52%), hoàn thành tốt nhiệm vụ 9 (48%);

- Bồi dưỡng 02 giáo viên có thể giảng dạy liên môn ( cụ thể 01 GV KHTN, 01 GV Lịch sử và địa lý)

### 2.2. Mục tiêu đối với nhân viên.

- 100% nhân viên được đào tạo, tập huấn bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn;

- 100% nhân viên được đánh giá chuẩn vị trí việc làm theo quy định;

### 2.3. Mục tiêu đối với CBQL.

- Cán bộ quản lý nhà trường: 3/3 =100% đạt trình độ đào tạo chuẩn;

- 3/3=100% cán bộ quản lý nhà trường đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt mức tốt;

- 3/3=100% CBQL hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo thông tư 17/2019/TT-BGDĐT;

- 03/03=100%CBQL được cử tham dự các chương trình bồi dưỡng CBQLCSGD;

## **III. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN**

## **1. Tham mưu cho cơ quan quản lý về bổ sung đội ngũ đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở**

- Thực hiện đúng quy trình tham mưu cho cấp có thẩm quyền bổ sung 01 giáo viên đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu;

- Đề xuất điều động giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm; tăng cường giáo viên dạy liên trường đối với môn còn thiếu khi chưa được bổ sung.

## **2. Phân công chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018**

### **2.1. Phân tích công việc**

- Nắm rõ thông tin cần có về:

+ Thông tin về các yếu tố của điều kiện làm việc: điều kiện tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục của nhà trường, chế độ lương, phụ cấp tăng thêm, khen thưởng, tầm quan trọng của công việc đối với sự phát triển nhà trường, các yếu tố về điều kiện vệ sinh lao động, ....

+ Thông tin về hoạt động thực tế của GV, NV, CBQL tiến hành tại nhà trường như: phương pháp làm việc, các mối quan hệ trong thực hiện công việc, cách thức làm việc với học sinh, phụ huynh học sinh ..., cách thức phối hợp với đồng nghiệp...

+ Thông tin về yêu cầu năng lực mà GV, NV, CBQL cần có như: Kiến thức, Kỹ năng, Khả năng thích ứng;

+ Thông tin về các loại thiết bị, máy móc, phương tiện dạy học, phần mềm dạy học, phần mềm quản lý ... tại nơi làm việc, đặc biệt là quy trình kỹ thuật và tính năng tác dụng của các trang bị kỹ thuật, cách thức sử dụng và bảo quản tại nơi làm việc.

+ Thông tin về các tiêu chuẩn mẫu trong thực hiện công việc của GV, NV, CBQL bao gồm cả các quy định về tiêu chuẩn hành vi và tiêu chuẩn kết quả thực hiện công việc.

### **2.2. Phân công chuyên môn**

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã ra Quyết định phân công nhiệm vụ cho GV, NV, CBQL đảm bảo đúng người, đúng việc, sử dụng hiệu quả đội ngũ, đảm bảo nguyên tắc kết hợp hài hòa các lợi ích;

- Phân công giáo viên có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn tốt (đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng được cấp chứng chỉ) thực hiện dạy lớp 6 trong năm học đầu tiên thực hiện CTGDPT 2018 (năm học 2023-2024).

- Khi phân công đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Theo các văn bản qui định chế độ lao động (giờ dạy, chế độ kiêm nhiệm, ...);

+ Qui trình phân công lao động trong trường THCS;

+ Yêu cầu phân công lao động một cách khoa học, khách quan, thực tế...;

- Tính toán được số tiết thay đổi trên phạm vi toàn trường (số tiết thay đổi của từng môn trên phạm vi số lượng các lớp được triển khai dạy và học môn đó theo lộ trình);

- Phân công giáo viên chủ nhiệm: giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn vừa có nhiệm vụ dạy học môn học được đảm nhiệm, vừa có nhiệm vụ lập kế hoạch và tổ chức

thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm đạt được mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học.

### **3. Bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV, NV, CBQL đáp ứng CT GDPT 2018**

- Cử GV, NV đi học tập nâng cao trình độ theo lộ trình hướng dẫn tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP;

- Triển khai hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, NV, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018;

- Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường tạo môi trường phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng CT GDPT 2018;

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường;

- Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực yếu hơn để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018;

### **4. Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, nề nếp sinh hoạt chuyên môn, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018**

- Bổ sung, hoàn thiện quy chế chuyên môn của nhà trường, tổ chuyên môn để thực hiện tốt CTGDPT 2018 (ví dụ: cần xây dựng quy trình triển khai dạy học theo chương trình môn học triển khai CTGDPT 2018, bắt đầu từ khâu nghiên cứu chương trình môn học, phát triển chương trình môn học, xây dựng kế hoạch dạy học môn học, xét duyệt kế hoạch, tổ chức dạy thử nghiệm một số tiết, tổ chức các tiết dạy đại trà, kiểm tra đánh giá tiết dạy...);

- Thực hiện tốt nề nếp sinh hoạt chuyên môn để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các GV thực hiện chương trình mới;

- Thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ bộ môn với tần suất phù hợp;

- Xây dựng các nội dung sinh hoạt chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của GV, đa dạng hóa các hình thức sinh hoạt chuyên đề để tăng tính hấp dẫn, lôi cuốn, đảm bảo hiệu quả đối với GV.

### **5. Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường tạo môi trường phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng CT GDPT 2018 .**

Nhằm tạo môi trường để GV, NG, CBQL luôn học hỏi lẫn nhau, trau dồi chuyên môn và nâng cao ý thức;

- Xây dựng cộng đồng GV trong nhà trường cùng thực hiện chương trình sách giáo khoa lớp 1,2,6 trong năm học 2023- 2024, lấy kinh nghiệm triển khai các lớp tiếp theo thông qua các hoạt động như: thành lập các nhóm chuyên môn (trong đó có một số GV cốt cán có vai trò nòng cốt trong hỗ trợ đồng nghiệp); tổ chức sinh hoạt chuyên môn về nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa, tổ chức hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục,

về đổi mới phương pháp dạy học theo tiếp cận năng lực, về các phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá năng lực người học...;

- Phối kết hợp để xây dựng cộng đồng học tập của GV giữa các trường trong khu vực và trên địa bàn hỗ trợ nhau phát triển chuyên môn, tổ chức sinh hoạt chuyên môn thường xuyên theo cụm để chia sẻ kinh nghiệm triển khai CTGDPT 2018 cấp THCS.

#### **6. Kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực làm việc cho đội ngũ**

- Hoàn thiện quy trình đánh giá, xếp loại chất lượng đội ngũ GV, NV, CBQL trên cơ sở xây dựng công cụ đánh giá đảm bảo độ tin cậy và hiệu lực;

- Hàng năm nhà trường tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng đội ngũ thông qua hình thức dự giờ, thăm lớp, kiểm tra đột xuất... từ đó xác định được nhân sự nào cần được đào tạo, bồi dưỡng và bồi dưỡng ở lĩnh vực nào để phát huy tối đa tiềm năng của cá nhân và đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển của nhà trường;

- Hàng tháng, nhà trường họp đánh giá xếp loại CBGV, NV trên cơ sở đánh giá chất lượng hoàn thành công việc được giao và kịp thời xử lý vi phạm (nếu có);

- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế đánh giá, khen thưởng và xử lý vi phạm;

- Hỗ trợ tư vấn kịp thời sau đánh giá: cử các giáo viên cốt cán kèm cặp, giúp đỡ giáo viên; dự giờ, hỗ trợ thường xuyên giáo viên trong khâu lên lớp; tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các khóa bồi dưỡng để phát triển năng lực thường xuyên...

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIẢI PHÁP:**

#### **1. Tổ chức thực hiện phân công chuyên môn cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp THCS**

##### **Bảng phân công chuyên môn trường TH&THCS Đinh Núp.**

Bảng dự kiến định mức tiết dạy giáo viên giảng dạy năm học 2023 – 2024 để làm căn cứ phân công chuyên môn

#### **Khối THCS:**

TT	Giáo viên	Phân công giảng dạy	Phân công chủ nhiệm lớp	Số tiết thực dạy/tuần	Tổng cộng HK I	Tổng cộng HK II	Cả năm	Ghi chú
1	Phạm Văn Thắng	Tin 9		02	36	34	70	BT Chi bộ
2	Nguyễn Văn Hồng	GDĐP 6,7, Tin 6		04	72	68	140	Phụ Trách CSVC
3	Nguyễn Thị Mai	KHTN(L)6;7;8; Lý 9; CN 8;9		11	197	194	391	TTCM
4	Phạm Thị Tâm	KHTN(S)6,7;8 Sinh 9; Hóa 9		13/9, 5	223	158	318	

5	Tạ Thị Hường	Toán 8;9.		08	144	136	280	TTND; GV dạy liên trường
6	Hoàng Thị Uyên Nhi	Toán 6;7 Tin 3,4,7; 8; CN 3,4		14	252	238	490	Phụ trách P. Tin ( THCS+TH)
7	Đoàn Văn Công	GDTC 6,7;8;9 HĐTN - HN 7	7A	13	234	221	455	CTCĐ
8	Lê Văn Vỹ	KHXH(Đ) 6,7, 8; Địa 9; HĐTN-HN 8 GD ĐP 8	8A	15	270	255	525	Phụ trách CNTT, TTCM
9	Lê Thị Huệ	KHXH (Sử) 7		2/1	36	17	53	TKHD, PCGD
10	Nguyễn Quang Thịnh	T. Anh 6,7,8,9		12	216	204	420	Phụ trách Lao động
11	Dương Vương Lâm	Ngữ Văn 6,7,8,9		13	234	289	523	PCT CĐ
12	Đoàn Thị Ngọc Lan	Nghệ thuật(MT) 1,2,3, 6,7,8,,9; CN 6,; HĐTN-HN 6	6A	13	234	221	465	UV BCH CĐ
14	Y Ký Ayun	KHXH(Sử) 6;8;LS 9+ GDCD 6,7,8,9+ HĐNGLL 9A; HN 9	9A	13	229,5	226,5	456	

### Khối tiểu học:

TT	Giáo viên	Phân công giảng dạy	Phân công chủ nhiệm lớp	Số tiết thực dạy/tuần	Tổng cộng HK I	Tổng cộng HK II	Cả năm	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Thương	Tăng cường TV		04	72	68	140	
2.	Trần Thị Thúy Hoa	Toán +TV	1A1	19	342	323	665	
3.	La Thị Bền	Toán +TV	1A2	17	306	289	595	
4.	Trịnh Thị Năm	Toán +TV	2A1	20	360	340	700	
5.	Trần Thị Thúy Hoa	Toán +TV	2A2	20	360	340	700	
6.	Bùi Thị Thương	Toán +TV	3A1	17	306	289	595	
7.	Nguyễn Sĩ Viết	Toán +TV	4A1	20	360	340	700	
8.	Nguyễn Thị Hồng	T. Anh	4A2	20	360	340	700	
9.	Lê Văn Mừng	Toán +TV	5A1	20	360	340	700	
10.	Nguyễn Thị Hằng	Toán +TV	5A2	19	342	323	665	
11.	Lê Văn Phú	Nghệ thuật (MT)		05 + 03	144	136	280	TPT + TVHĐ
12.	Huyền Tôn Nữ Kim Dung	Nghệ thuật (ÂN) 1,2,3,4,5,6;7;8;9		23	414	391	805	

13.	Y Niễn Mlô	GVbm		23	414	391	805	
14.	Bạch Thị Thơ	GVbm		23	414	391	805	
15.	Trần T. Thanh Vân	Toán +TV	4A2	23	414	391	805	
16.	H Wen Mlô	Toán +TV	3A2	23	414	391	805	

CBQL; GV cấp TH: 16

**2. Tổ chức thực hiện bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV, NV, CBQL đáp ứng CT GDPT 2018**

**Bảng tổ chức hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ GV, NV, CBQL trường TH&THCS Đinh Núp**

Nội dung	Mục tiêu bồi dưỡng	Cách thức bồi dưỡng	Nguồn lực Thực hiện bồi dưỡng
Đạo đức nhà giáo, phong cách nhà giáo.	- Trang bị cho đội ngũ GV, NV, CBQL nhà trường những kiến thức về tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước, chủ trương của ngành; nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống để nâng cao tinh thần trách nhiệm và lương tâm nghề nghiệp;	- Tổ chức các chuyên đề, yêu cầu BGV, NV xây dựng kế hoạch tự học tập. - Mời CB Ban tuyên giáo nói chuyên đề	- Trang bị tài liệu: sách, báo, các tư liệu lịch sử...
Năng lực phát triển chuyên môn bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ	Mỗi thầy cô giáo có chuyên môn vững vàng 01 giáo viên đạt chuẩn trình độ theo Luật GD 2019	- Thi GVCNG các cấp - Sinh hoạt tổ chuyên môn - Tự bồi dưỡng	- Đầu tư trang thiết bị dạy học đầy đủ: máy chiếu, ti vi, đài, đồ dùng dạy học, phòng học, phòng họp...
Năng lực xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	Giáo viên xây dựng được kế hoạch dạy học cá nhân cho học sinh theo hướng phát triển phẩm chất.	- Tập huấn - Sinh hoạt tổ chuyên môn - Tự bồi dưỡng	- Tạo điều kiện về thời gian để giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng.

<b>Nội dung</b>	<b>Mục tiêu bồi dưỡng</b>	<b>Cách thức bồi dưỡng</b>	<b>Nguồn lực Thực hiện bồi dưỡng</b>
Năng lực sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	Giáo viên vận dụng, thực hiện phương pháp giảng dạy hiện đại, Tiên tiến đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong tình hình mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập huấn</li> <li>- Sinh hoạt tổ chuyên môn</li> <li>- Tự bồi dưỡng</li> </ul>	- Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ giáo viên, nhân viên được cử đi tham gia các lớp tập huấn.
Năng lực thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	Thành thạo việc đánh giá, kiểm tra học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực (TT26-BGD)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập huấn</li> <li>- Sinh hoạt tổ chuyên môn</li> <li>- Tự bồi dưỡng</li> </ul>	
Năng lực tư vấn và hỗ trợ học sinh	Nắm vững tâm lí lứa tuổi người học	Tập huấn	
Năng lực xây dựng văn hóa nhà trường	Tạo môi trường làm việc trong trường thân thiện, đoàn kết, hiệu quả	Tập huấn	
Năng lực xây dựng nhà trường an toàn	Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường	Tập huấn	
Năng lực phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội.	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện tốt hoạt động giáo dục cho học sinh	Tập huấn, giao lưu, cùng tham gia kết các hoạt động giữa CMHS và nhà trường	

<b>Nội dung</b>	<b>Mục tiêu bồi dưỡng</b>	<b>Cách thức bồi dưỡng</b>	<b>Nguồn lực Thực hiện bồi dưỡng</b>
Năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin	Khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục	- Tập huấn - Tự học	
Năng lực quản trị dạy và học trong nhà trường	Quản lý tốt công tác dạy và học trong nhà trường	- Tham gia các lớp bồi dưỡng	
Năng lực quản trị nhân sự	Quản lý tốt nhân sự trong nhà trường	- Tập huấn, bồi dưỡng	
Năng lực quản trị tài chính, CSVC	Quản trị tốt các nguồn lực của nhà trường nhằm phục vụ hoạt động dạy học	- Tập huấn, bồi dưỡng	
Sinh hoạt chuyên môn liên trường	Trao đổi chuyên môn, phương pháp giảng dạy, hỗ trợ đồng nghiệp	Xây dựng kế hoạch thực hiện sinh hoạt cụm chuyên môn các trường.	

Thầy cô được sinh hoạt chuyên môn theo cụm (theo bộ môn), các trường tổ chức đến dự, thanh toán công tác phí và tạo điều kiện về thời gian để giáo viên tham gia

## **V. PHÂN BỐ NGUỒN LỰC ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

Để thực hiện các giải pháp phát triển đội ngũ, nhà trường cần huy động các nguồn



lực bao gồm như sau:

### 1. Nhân lực:

- Học viện QLGD, Sở GDĐT Đắk Lắk, Phòng GDĐT thị xã Buôn Hồ, đội ngũ giáo viên cốt cán, CBQL hỗ trợ chuyên môn trong quá trình thực hiện CTGDPT 2018.

- Phòng GD&ĐT, UBND thị xã Buôn Hồ tuyển dụng giáo viên, nhân viên cho nhà trường kịp thời, đáp ứng triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đại diện đoàn thể, các tổ, giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý trong nhà trường...

**2. Thời gian:** Tổ chức bồi dưỡng trong thời gian năm học và thời gian hè hằng năm.

**3. Tài chính:** Chi từ nguồn chi ngân sách và sự hỗ trợ của các dự án tập huấn về nâng cao năng lực chuyên môn thông qua các hoạt động dạy học.

**4. Cơ sở vật chất:** Chi từ nguồn chi ngân sách, làm tốt công tác xã hội hóa huy động các nguồn lực khác ngoài nhà trường.

( có bảng phân bổ nguồn lực để thực hiện đính kèm )

## VI. TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN

### 1. Tổ chức thực hiện

- **Hiệu trưởng:** Xây dựng kế hoạch, phân công các tổ chuyên môn và giáo viên các công việc, các mối liên lạc và trao đổi thông tin. Đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp.

- **Phó Hiệu trưởng:** Phân công chuyên môn cho giáo viên đảm bảo theo đúng kế hoạch. Tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên, hỗ trợ giáo viên trong công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham gia đánh giá giáo viên và hỗ trợ các nội dung bồi dưỡng thường xuyên.

- **Tổ trưởng chuyên môn:** Xây dựng kế hoạch triển khai CTGDPT2018 của tổ chuyên môn theo kế hoạch của nhà trường. Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cá nhân. Thường xuyên giám sát, hỗ trợ công việc của các thành viên trong tổ chuyên môn để kịp thời phát hiện những khó khăn về vướng mắc và đề xuất với nhà trường để kịp thời giúp đỡ. Tổng hợp báo cáo việc thực hiện với CBQL nhà trường.

- **Giáo viên, nhân viên**

- Làm tốt công tác truyền thông;

- Căn cứ vào kế hoạch của trường, của tổ, mỗi cá nhân xây dựng cho mình kế hoạch dạy học và kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục được cán bộ quản lý và tổ trưởng phân công ( bao gồm kế hoạch năm, chủ đề, tuần, ngày);

- Kế hoạch của mỗi cá nhân phải được xây dựng dựa trên chỉ tiêu đề ra, đảm bảo tính đồng bộ, liên thông với kế hoạch chung của nhà trường; Kế hoạch phải thể hiện rõ các biện pháp thực hiện hoàn thành chỉ tiêu giao;

- Trình tổ trưởng, cán bộ quản lý phê duyệt kế hoạch; không được tự động điều chỉnh kế hoạch khi chưa được sự đồng ý và thống nhất của tổ trưởng và cán bộ quản lý nhà trường.

### 2. Giám sát, hỗ trợ thực hiện kế hoạch.

#### a. Phân công nhiệm vụ giám sát:

- CBQL: Giám sát chung việc thực hiện kế hoạch đã đề ra, từ đó có biện pháp hỗ trợ, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch.

- Tổ chuyên môn: Giám sát việc thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn và giáo viên, từ đó đề xuất các biện pháp hỗ trợ, kiến nghị.

- Cá nhân giáo viên, nhân viên: Thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn, nhà trường, có đề xuất sát hợp thực tế.

**b. Nội dung giám sát:**

- Số lượng, cơ cấu đội ngũ GV, NV, CBQL trong trường đáp ứng CTGDPT 2018

- Chất lượng của đội ngũ GV, NV, CBQL trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018: Kế hoạch tự bồi dưỡng, kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp, công tác bồi dưỡng thường xuyên, công tác bồi dưỡng theo các mô đun, sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

- Các giải pháp và hoạt động phát triển đội ngũ trong nhà trường.

**4. Chế độ thông tin, báo cáo**

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về cơ quan quản lý cấp trên; thực hiện linh hoạt chế độ báo cáo nhanh qua OMS nhằm thu thập và quản lý thông tin kịp thời, thông suốt giữa các bộ phận trong nhà trường.

- Cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện nâng cao chất lượng đội ngũ.

Trên đây là kế hoạch Phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý trong giai đoạn 2020-2025 của trường TH &THCS Đinh Núp. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các bộ phận, cá nhân trực tiếp gặp Lãnh đạo đề được hướng dẫn cụ thể. Kế hoạch có thể được điều chỉnh theo từng năm học tùy theo yêu cầu công tác và tình hình thực tế của nhà trường.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT ( để b/c);
- CBQL, GV,NV ( để t/h);
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Văn Thăng**

**IV. PHÂN BỐ CÁC NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GV, NV, CBQL THCS  
TH&THCS ĐINH NÚP**

Mục tiêu				Công việc cần làm	Thời gian thực hiện								Người thực hiện							
1	1			1. Dự báo số lượng GV và tham mưu cho cơ quan nhà nước bổ sung số lượng GV đảm bảo thực hiện CTGDPT 2018	1											A	B	C		
1			2	2. Thực hiện phân công chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018	2	2										C	A	B		
		1		3. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV, NV, CBQL đáp ứng CTGDPT 2018	4								4	4	C	A	B	C	C	
1	2	3	1	4. Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, nề nếp sinh hoạt chuyên môn, đa dạng hóa hình thức sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018		3	3	3	3	3	3	3	3		C	C	A	B	B	
4		4		5. Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường tạo môi trường phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018											A	B	C	C	C	
1		1		6. Kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ GV, NV, CBQL đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua	1				1					1	C	A	B	C	C	

				khen thưởng, tạo động lực làm việc cho đội ngũ																							
Đảm bảo đủ số lượng GV thực hiện CT GDPT 2018 theo lộ trình	Đảm bảo đủ cơ cấu GV theo độ tuổi, giới tính, trình độ đào tạo để có đội ngũ kế cận thực hiện CT GDPT 2018 theo lộ trình	100% giáo viên đạt yêu cầu về năng lực dạy học, giáo dục, năng lực chung theo CTGDPT 2018, 60% GV có thể hỗ trợ đồng nghiệp về năng lực dạy học, giáo dục, năng lực chung theo CTGDPT 2018	Tổ chức chuyên môn được cấu trúc lại đáp ứng yêu cầu thực hiện 100% GV thực hiện quy chế CM, tham gia SH chuyên đề nâng cao năng lực đáp ứng CTGDPT 2018	<p style="text-align: center;">Giải pháp và các hoạt động để thực hiện giải pháp</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;"><del>Mục tiêu</del></td> <td style="width: 50%; text-align: center;"><del>Tài</del></td> </tr> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;"><del>Tháng phát triển đội ngũ chính</del></td> <td style="width: 50%; text-align: center;"><del>Cơ sở vật chất</del></td> </tr> </table>	<del>Mục tiêu</del>	<del>Tài</del>	<del>Tháng phát triển đội ngũ chính</del>	<del>Cơ sở vật chất</del>																			
					<del>Mục tiêu</del>	<del>Tài</del>																					
<del>Tháng phát triển đội ngũ chính</del>	<del>Cơ sở vật chất</del>																										
<p>Dự toán tài chính cho từng hoạt động</p> <p>GV chủ nhiệm</p>																											
<p>Liệt kê các yêu cầu về cơ sở vật chất cần cho các hoạt động</p>																											

Ghi chú các vai trò: A- người phụ trách; B- người phối hợp; C- người hỗ trợ

